

Số: 614/KH-BCĐ

Phú Nhuận, ngày 30 tháng 05 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thí điểm xây dựng mô hình “Công dân học tập” năm 2022 trên địa bàn quận

Căn cứ Kế hoạch số 59/KH-HKH ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Hội Khuyến học Thành phố về tiếp tục tổ chức triển khai nhân rộng thí điểm xây dựng mô hình “Công dân học tập” năm 2022 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Ban chỉ đạo Xây dựng xã hội học tập quận Phú Nhuận xây dựng và triển khai thực hiện các nội dung sau :

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Nhằm xây dựng công dân là mẫu hình “Công dân học tập” trong các gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị làm nòng cốt xây dựng các mô hình học tập, xây dựng Thành phố học tập, góp phần xây dựng xã hội học tập trên địa bàn quận.

- Giúp người dân có đủ kỹ năng sống và làm việc, đồng thời tạo điều kiện để phát huy năng lực sáng tạo trong môi trường phát triển kinh tế số, xã hội số, qua đó thúc đẩy học tập suốt đời trong các cộng đồng dân cư.

- Tổ chức rà soát, chọn đơn vị thực hiện thí điểm đúng theo yêu cầu và triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung bộ tiêu chí “Công dân học tập”; đảm bảo tiến độ thời gian thực hiện theo kế hoạch hướng dẫn của Thành phố. Trên cơ sở kết quả của việc triển khai thí điểm triển khai đại trà xây dựng mô hình “Công dân học tập” trên địa bàn những các năm tiếp.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Triển khai thực hiện thí điểm:

Căn cứ vào quá trình triển khai và kết quả thực hiện các mô hình học tập theo Quyết định số 281/TTg ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ, Ban chỉ đạo Xây dựng xã hội học tập quận chọn 3 đơn vị phường gồm: 4, 7 và 11 làm thí điểm xây dựng mô hình “Công dân học tập”.

2. Phạm vi thực hiện thí điểm:

- Ban Chỉ đạo Xây dựng xã hội học tập phường được chọn thí điểm tổ chức chọn 03 đơn vị (01 khu phố/ấp, 01 dòng họ, 01 đơn vị (trường học) nếu không có dòng họ thì chọn khu phố) và ít nhất 10 công dân, trong đó có ít nhất 05 công dân thuộc khu phố và 05 công dân thuộc dòng họ) làm thí điểm xây dựng mô hình “Công dân học tập”.

- Riêng Ủy ban nhân dân phường thí điểm căn cứ vào số lượng, cán bộ, công chức, viên chức hiện có ở mỗi đơn vị để chọn số lượng đăng ký thực hiện nhân rộng thí điểm.

- Tổng số ít nhất từ 40 - 60 người ở phường tham gia thí điểm xây dựng mô hình “Công dân học tập”.

3. Nguyên tắc lựa chọn

- Ưu tiên các cá nhân gia đình, đơn vị có đủ điều kiện, năng lực, tự nguyện tham gia thí điểm.

- Trong quá trình lựa chọn, cần bảo đảm những người tham gia thí điểm mô hình “Công dân học tập” có đủ đại diện của thành thị, nông thôn, người Kinh, người Dân tộc thiểu số, nam, nữ, già, trẻ, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động... (**học sinh, sinh viên không nằm trong diện thí điểm đợt này**).

III. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN

1. Nguyên tắc đánh giá

Việc đánh giá công nhận mô hình “Công dân học tập” phải căn cứ vào việc cho điểm thực hiện theo nguyên tắc xác định minh chứng; cá nhân kê khai, kết quả phân đấu thông qua thu thập minh chứng cho mỗi chỉ số đánh giá theo phụ lục 04 bản tiêu chí đánh giá “Công dân học tập” kèm theo Kế hoạch.

2. Việc công nhận mô hình “Công dân học tập”

- Đánh giá mức độ đạt được theo tiêu chí và chỉ số đánh giá mô hình “Công dân học tập” bằng hình thức cho điểm, việc cho điểm thực hiện theo nguyên tắc xác định minh chứng: cá nhân tự kê khai kết quả phân đấu thu thập minh chứng cho mỗi chỉ số đánh giá (kỹ năng) theo từng cá nhân gia đình, đơn vị.

- Tùy theo mức độ đạt được với mỗi chỉ số đánh giá, điểm tối đa là 10 điểm; không có kê khai, minh chứng (đối với chỉ số có thể định lượng) thì không cho điểm; đối với chỉ số đánh giá tuy có thực hiện nhưng không đầy đủ thì cho từ 5 điểm trở lên tùy theo mức độ đạt được; tổng số tối đa cho 10 tiêu chí là 100 điểm. Những người đạt từ 80 điểm trở lên (trong đó không có chỉ số nào dưới 5 điểm thì được công nhận là “Công dân học tập”).

- Việc xem xét công nhận một cá nhân đạt danh hiệu “Công dân học tập” do tập thể (cơ quan, cộng đồng, đơn vị...) đánh giá và bình xét thời gian thí điểm. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường thí điểm xác nhận kết quả cuối cùng của đợt thí điểm.

- Cơ quan có thẩm quyền công nhận “Công dân học tập”; Ủy ban nhân dân phường thí điểm công nhận danh hiệu “Công dân học tập” cho cá nhân thuộc gia đình, cộng đồng, đơn vị.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Hội Khuyến học quận tham mưu Ban chỉ đạo Xây dựng xã hội học tập quận xây dựng và triển khai kế hoạch thí điểm xây dựng mô hình

“Công dân học tập”. Phối hợp Hội Khuyến học quận kiểm tra, đánh giá công nhận mô hình “Công dân học tập”.

2. Hội Khuyến học quận

- Chủ trì triển khai kế hoạch thí điểm xây dựng mô hình “Công dân học tập”, hướng dẫn Bộ tiêu chí, Bản tự kê khai, xác định minh chứng, đánh giá, cho điểm theo các tiêu chí, chỉ số đánh giá “Công dân học tập” tại các phường thực hiện thí điểm.

- Tổ chức tập huấn hướng dẫn quy trình thực hiện mô hình “Công dân học tập” trên địa bàn quận.

- Lập danh sách, số lượng đăng ký “Công dân học tập” ở từng đơn vị gửi về Hội Khuyến học Thành phố trong tháng 7/2022.

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, tổ chức tổng kết việc thí điểm xây dựng mô hình “Công dân học tập”, báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân quận, Hội Khuyến học Thành phố trước ngày 15/11/2022.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội quận

Tăng cường tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên và nhân dân về ý nghĩa trong việc đánh giá các mô hình học tập. Phối hợp với Hội Khuyến học quận trong việc kiểm tra đánh giá mô hình thí điểm tại 3 phường về “Công dân học tập”.

4. Ủy ban nhân dân phường thí điểm:

- Triển khai thực hiện thí điểm xây dựng mô hình “Công dân học tập”; hướng dẫn mẫu đăng ký tham gia xây dựng mô hình “Công dân học tập”; bản tự kê khai, xác định minh chứng, đánh giá, cho điểm theo các tiêu chí, chỉ số đánh giá “Công dân học tập” và lập danh sách, số lượng đăng ký “Công dân học tập” gửi về Hội Khuyến học quận trong tháng 06/2022.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện và tổ chức Hội nghị Tổng kết việc thí điểm xây dựng mô hình “Công dân học tập”, báo cáo kết quả về Hội Khuyến học quận trước ngày 15/10/2022.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thí điểm xây dựng mô hình “Công dân học tập” năm 2022 trên địa bàn quận. Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện và báo cáo theo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- HKH TP;
- TT/QU (BT, PBT/TT);
- UBND quận (CT, PCT/VX);
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH quận;
- BDV/QU; BTG/QU;
- TV BCĐ XD XHTT quận;
- P.GDĐT, H.KH;
- VP/UBND quận (CVP, PCVP);
- UBND phường thí điểm;
- Lưu: VT, P.GDĐT.



TRƯỞNG BAN *Khmer*

PHÓ CHỦ TỊCH UBND QUẬN
Nguyễn Thị Kiều Nhi

Mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
Công dân học tập năm

Kính gửi:- Ủy ban nhân dân phường....., quận.....

Tôi tên: Sinh năm:..... Nam/Nữ:

Dân tộc: Tôn giáo: CCCD/CMND:

.....

Điện thoại số:.....

Email:.....

Nghề nghiệp:

.....

Trình độ văn hóa: Chuyên môn, nghiệp

vụ:.....

Địa chỉ nơi ở hoặc cơ

quan:.....

Qua nghiên cứu bộ tiêu chí mô hình Công dân học tập, tôi xin tự nguyện
 đăng ký thực hiện và phấn đấu đạt danh hiệu “Công dân học tập” năm

....., ngày tháng năm....

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)

1. Tiêu chí đánh giá công nhận công dân học tập

(Dùng cho cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, nhân viên từ cấp phường trở lên)

<i>Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)</i>	<i>Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)</i>	<i>Điểm</i>
I. Năng lực tự học, Học tập suốt đời	1. Kỹ năng đọc, cập nhật thông tin hữu ích và kiến thức trên sách báo, tivi, máy tính, điện thoại thông minh.	10
	2. Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo các chương trình phục vụ yêu cầu công việc hoặc do Nhà nước, cơ quan, đoàn thể quy định.	10
	3. Kỹ năng tính toán, xếp sắp hợp lý các công việc để có thời gian tham gia hoạt động văn hóa, khoa học, các hội nghị, hội thảo có nội dung cần thiết cho chuyên môn nghề nghiệp của mình.	10
	4. Kỹ năng động viên, khích lệ và tạo điều kiện cho người thân trong gia đình và cho đồng nghiệp học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng những công cụ tương tác	5- Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu công việc và cuộc sống.	10
	6- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu công việc và vị trí đảm nhận.	10
	7. Kỹ năng tính toán để công việc đang làm luôn được cải tiến, sáng tạo, đạt chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp nhiều cho xã hội.	10
	8. Kỹ biết phân tích để chọn lựa giải pháp tốt nhất trong công việc, trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ... và hoạt động xã hội.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Kỹ năng tạo mối quan hệ thân thiện với mọi người, điều hòa để tránh xung đột. Có trách nhiệm với gia đình, đơn vị công tác và xã hội. Tuân thủ pháp luật tốt.	10
	10. Kỹ năng hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới và sự đa dạng văn hóa. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng cộng		100

2. Tiêu chí và chỉ số đánh giá công dân học tập

(Dùng cho công nhân, người lao động trong DN, nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất)

Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)	Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)	Điểm
I. Năng lực tự học, Học tập suốt đời	1. Hàng ngày có dành thời gian để đọc sách báo, cập nhật thông tin hữu ích trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại di động.	10
	2. Sắp xếp, dành thời gian tham gia các chương trình học tập do cơ quan, đơn vị, công đoàn, đoàn thể tổ chức và các lớp học khác theo nhu cầu.	10
	3. Sắp xếp công việc, lao động hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động của Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, các hội nghị có nội dung liên quan đến công việc đang làm.	10
	4. Quan tâm khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện để người thân trong gia đình và bạn bè, đồng nghiệp học tập thường xuyên, chia sẻ kinh nghiệm làm ăn, phát triển nghề nghiệp, nâng cao kiến thức chuyên môn.	10
II. Năng lực sử dụng những công cụ tương tác	5. Sử dụng tốt máy vi tính, điện thoại thông minh, các thiết bị số để làm tốt nhiệm vụ sản xuất, kết nối với đồng nghiệp, với các đối tác để phát triển chuyên môn – nghiệp vụ, phát triển tay nghề.	10
	6. Biết sử dụng ngoại ngữ để giao dịch với khách hàng, hiểu được những hướng dẫn cơ bản về công việc, sử dụng thiết bị sản xuất, đọc bản hướng dẫn về kỹ thuật....	10
	7. Biết tính toán để hợp lý hóa các thao tác, tổ chức nơi làm việc, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động lao động, tiến bộ về tay nghề.	10
	8. Biết phân tích, đề ra những phương án, giải pháp trong xây dựng kế hoạch sản xuất, tổ chức và quản lý công việc, quản lý và bảo dưỡng các thiết bị, máy móc, tiết kiệm nguyên vật liệu.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Xây dựng được mối quan hệ thân thiện với khách hàng, với người xung quanh. Tuân thủ kỷ luật lao động. Có trách nhiệm với gia đình, cơ quan, đơn vị, tập thể người lao động và xã hội.	10
	10. Gắn kết, hợp tác và chia sẻ trong lao động; tích cực xây dựng tập thể lao động tiên tiến. Ứng xử đúng mực trong giao tiếp; Có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng cộng		100

3. Tiêu chí và chỉ số đánh giá công dân học tập

(Dùng cho nông dân và lao động nông thôn)

<i>Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)</i>	<i>Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)</i>	<i>Điểm</i>
I. Năng lực tự học, Học tập suốt đời	1. Hàng ngày có dành thời gian để đọc sách báo, cập nhật thông tin hữu ích trên đài phát thanh, đài truyền hình hoặc trong điện thoại di động...	10
	2. Có sắp xếp thời gian học tập tại trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm dạy nghề, trung tâm tin học – ngoại ngữ.... để làm tốt công việc sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, buôn bán và dịch vụ trên địa bàn nông thôn.	10
	3. Sắp xếp thời gian lao động hợp lý để có thời gian tham gia các hoạt động đoàn thể hoặc của các tổ chức xã hội, các buổi sinh hoạt ở Nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện.	10
	4. Chăm lo, giúp đỡ, động viên, khuyến khích người trong gia đình và bà con hàng xóm, láng giềng học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng những công cụ tương tác	5. Sử dụng được điện thoại di động hoặc máy tính bảng, máy vi tính vào công việc sản xuất, buôn bán, dịch vụ, giao dịch có hiệu quả.	10
	6. Biết sử dụng một ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ của đồng bào thiểu số để chào hỏi, xã giao, hiểu được một số hướng dẫn bằng tiếng nước ngoài đối với một số mặt hàng như phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia cầm – gia súc.	10
	7. Biết xếp sắp hợp lý công việc để có năng suất lao động cao hơn, hiệu quả công việc tốt hơn, tăng thu nhập hơn.	10
	8. Biết tính toán, xem xét một công việc sẽ triển khai trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trước khi quyết định thực hiện.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9. Thân thiện, hòa đồng với người xung quanh; đoàn kết, gần bó với bà con thôn xóm, tổ dân phố. Có trách nhiệm với gia đình và xã hội.	10
	10. Hợp tác, chia sẻ với mọi người trong lao động sản xuất và hoạt động xã hội; tôn trọng mọi người, ứng xử đúng mực trong giao tiếp; có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng cộng		100

4. Tiêu chí và chỉ số đánh giá công dân học tập

(Dùng cho đối tượng công dân ở khu dân cư)

<i>Tiêu chí (Năng lực cốt lõi)</i>	<i>Chỉ số đánh giá (Kỹ năng cơ bản và phẩm chất mong muốn)</i>	<i>Điểm</i>
I. Năng lực tự học, Học tập suốt đời	1- Hàng ngày có dành thời gian để đọc, cập nhật những thông tin hữu ích và tri thức trên sách báo, ti vi, máy tính, điện thoại di động...	10
	2- Có sắp xếp thời gian học tập tại trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm dạy nghề, trung tâm tin học – ngoại ngữ... để trang bị kiến thức theo nhu cầu.	10
	3- Biết sắp xếp hợp lý các công việc để có thời gian tham gia các hoạt động tại nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện; các buổi sinh hoạt, học tập do đoàn thể, địa phương tổ chức để mở mang kiến thức, chăm sóc sức khỏe và đời sống.	10
	4- Chăm lo, động viên và tạo điều kiện cho người thân trong gia đình, bạn bè và bà con hàng xóm, láng giềng học tập thường xuyên.	10
II. Năng lực sử dụng những công cụ tương tác	5- Sử dụng được điện thoại thông minh hoặc máy tính để sử dụng trong công việc và cuộc sống.	10
	6- Biết sử dụng một ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ của đồng bào thiểu số để chào hỏi, làm quen, xã giao hoặc để phục vụ nhu cầu công việc và cuộc sống.	10
	7- Biết sắp xếp để công việc đang làm luôn được cải tiến, sáng tạo, đạt chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp nhiều cho xã hội.	10
	8- Biết tính toán, xem xét một công việc sẽ triển khai trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trước khi quyết định thực hiện.	10
III. Năng lực xây dựng và thực hiện các mối quan hệ xã hội	9- Thân thiện, hòa đồng với người xung quanh; đoàn kết, gắn bó với bà con thôn xóm, tổ dân phố. Có trách nhiệm với gia đình và xã hội.	10
	10- Hợp tác, chia sẻ trong lao động và hoạt động xã hội. Tôn trọng bình đẳng giới và đa dạng văn hóa. Có ý thức bảo vệ môi trường.	10
Tổng cộng		100

(Đối tượng dân cư ở khu phố như người lớn tuổi, nội trợ, kinh doanh, buôn bán, lao động phổ thông...)